BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HOÁ
HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 14 (2020 - 2024)

TT	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		M1	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG**	**26**																																	
			Các học phần bắt buộc	***26***																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	5	INF2001	Tin học cơ bản	2																	2	5	15	10													1 s 5
7	6	CLM2005	Tin học chuyên ngành	2																					2	5	15	10									
8	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
9	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
10	7	CFL2007	Tiếng Anh chuyên ngành	2																									2	5	20	5					
11	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1			3	25	2																													
12	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2							5	37	3																									
12		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
13	3	POL2007	Pháp luật đại cương	2									2	20	8	2																					
13		M2	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH**	**16**																																	
13			***Các học phần bắt buộc***	***11***																																	
14	3	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2									2	20	8	2																					
15	2	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3					3	30	12	3																									
16	1	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	20	8	2																													
17	1	CLM2003	Văn hóa học đại cương	2	2	20	8	2																													2 s 1
17			***Các học phần tự chọn***	***5 /7***																																	
18	2	CLM2006	Mỹ học	2					2	20	8	2																									
19	2	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3					3																												
19		CFL2008	Tiếng việt thực hành	2																																	
19		CLM2007	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam																																		
19		M3	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**17**																																	
19			***Các học phần bắt buộc***	***13***																																	
20	1	CLM2008	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	3	3	30	12	3																													4 s 1
21	3	CLM2009	Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	3									3	30	12	3																					4 s 3
22	3	CLM2010	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	2									2	20	8	2																					1 s 3
23	2	CLM2011	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	3					3	30	12	3																									
24	3	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2									2	20	8	2																					
24			***Các học phần tự chọn***	***4 /6***																																	
24		CLM2012	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á																																		
24		CLM2013	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2																																	
25	5	CLM2002	Nhân học văn hóa	2																	2	20	8	2													
26	2	CLM2014	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	2					2	20	8	2																									
26		CLM2015	Địa chí Văn hóa Việt Nam																																		
27	4	CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2													2	20	8	2																	
27		M4	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**	**52**																																	
27			***Các học phần bắt buộc***	***42***																																	
28	3	CLM2017	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	3									3	30	12	3																					
29	4	CLM2018	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 2	3													3	30	12	3																	
30	6	CLM2019	Quản trị dịch vụ văn hóa	2																					2	20	8	2									
31	5	CLM2093	Quản lý di sản văn hóa	3																	3	30	10	5													
32	5	CLM2021	Quản lý văn hóa du lịch	2																	2	20	8	2													
33	4	CLM2022	Quản lý hoạt động quảng cáo	2													2	20	8	2																	
34	4	CLM2023	Quản lý hoạt động biểu diễn	2													2	20	8	2																	5 s 4
35	5	CLM2024	Nghệ thuật thực hành	4																	4	4	52	4													
36	7	CLM2029	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4																									4	4	52	4					
37	4	CLM2030	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	2													2	20	8	2																	1 s 4
38	6	CLM2031	Các tộc người ở Việt Nam	2																					2	20	8	2									
39	3	CLM2032	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	2									2	20	8	2																					
40	7	CLM2088	Tổ chức sự kiện	3																									3	30	12	3					
41	3	CLM2092	Xã hội học văn hóa	2									2	20	8	2																					
42	7	CLM2035	Marketing văn hóa nghệ thuật	2																									2	15	13	2					
43	7	CLM2037	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	2																									2	15	13	2					
44	7	CLM2038	Quản lý dự án văn hóa	2																									2	10	18	2					
44			***Các học phần tự chọn***	***10 /12***																																	
44		CLM2039	Ngoại giao văn hóa	2																																	
45	6	CLM2040	Huy động tài trợ	2																					2	15	13	2									
45		CLM2041	Thiết kế sân khấu, phục trang																																		
46	6	CLM2042	Quan hệ công chúng	2																					2	20	8	2									
47	4	CLM2043	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HĐ tập thể	2													2	10	18	2																	
48	6	CLM2044	Phát triển văn hóa cộng đồng	2																					2	15	13	2									
48		CLM2045	Truyền thông đại chúng																																		
49	5	CLM2046	Các ngành công nghiệp văn hóa	2																	2	20	8	2													
49		CLM2047	Văn hóa gia đình và văn hóa giao tiếp																																		
49		M5	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ VÀ TỐT NGHIỆP**	**16**																																	
49			***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	***6***																																	
50	6	CLM2048	Thực tập giữa khóa	3																					3												
51	8	CLM2049	Thực tập tốt nghiệp	3																													3				
51			***Khối kiến thức tốt nghiệp***	***10 /20***																																	
51		CLM2050	Khóa luận tốt nghiệp	10																																	
52	8	CLM2051	Lý luận văn hóa (HP tốt nghiệp)	5																													5				
53	8	CLM2052	Chương trình Thực hành biểu diễn nghệ thuật (HP tốt nghiệp)	5																													5				
			Tổng số tín chỉ:	***127***	**14**				**18**				**20**				**15**				**17**				**15**				**15**				**13**				
			Tổng số tiết lý thuyết:	***901***		**121**				**147**				**200**				**140**				**119**				**95**				**79**							
			Tổng số tiết thực hành:	***658***			**101**				**105**				**80**				**70**				**109**				**65**				**128**						
			Tổng số tiết tự học:	***136***				**18**				**18**				**20**				**15**				**27**				**20**				**18**					

Hà Nội, ngày……tháng 9 năm 2020

Người lập biểu	Khoa Giáo dục đại cương	Khoa Văn hóa Nghệ thuật	Phòng Đào tạo	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Minh Hạnh	Bạch Thị Lan Anh	Nguyễn Đức Hoàng	Nguyễn Văn Định	PGS.TS. Đào Đăng Phượng